

NGUYÊN TẮC HÔN NHÂN TỰ NGUYỆN, TIẾN BỘ NHÌN TỪ GÓC ĐỘ BÌNH ĐẲNG GIỚI

ThS. BÙI THỊ MỪNG*

1. Bảo vệ quyền phụ nữ không phải là vấn đề riêng của mỗi một quốc gia mà đó là vấn đề chung của toàn nhân loại. Xuất phát từ thực tế, tình trạng phụ nữ bị phân biệt đối xử diễn ra ở khắp nơi trên thế giới cho nên vấn đề cốt lõi trong việc bảo đảm các quyền con người cho người phụ nữ chính là bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Ngay từ khi mới thành lập, Liên hợp quốc đã xác định rõ mục tiêu hành động là phấn đấu thực hiện việc bảo đảm quyền bình đẳng giữa nam và nữ. Điều này thể hiện rõ trong Điều 1 Hiến chương Liên hợp quốc: "... Khuyến khích phát triển sự tôn trọng các quyền con người và các quyền tự do cơ bản cho tất cả mọi người không phân biệt chủng tộc, nam nữ, ngôn ngữ hoặc tôn giáo". Quyền bình đẳng này tiếp tục được phát triển và khẳng định trong Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền: "Mọi người đều được hưởng các quyền tự do nêu trong bản Tuyên ngôn này, không có bất kì sự phân biệt đối xử nào về chủng tộc, màu da, giới tính...". Bên cạnh đó, quyền bình đẳng nam nữ còn được đề cập trong rất nhiều văn kiện quốc tế về quyền con người của Liên hợp quốc và các tổ chức liên chính phủ. Mặc dù vậy, Tuyên bố Teheran (Tuyên bố của Hội nghị nhân quyền thế giới năm 1968) vẫn chỉ rõ: "Sự phân biệt đối xử và do đó phụ nữ đang là nạn nhân tại nhiều vùng khác nhau trên thế giới phải được xoá bỏ...". Chính vì vậy, cần phải có một văn bản pháp luật đề cập quyền con người của phụ nữ một cách toàn diện cùng với các biện pháp cụ thể

nhằm khắc phục những cản trở trong việc thực hiện các quyền con người của phụ nữ. Trên cơ sở này, Công ước về việc xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW) của Hội đồng Liên hợp quốc đã được thông qua ngày 10/12/1979. Đây là văn bản pháp lí quốc tế quan trọng, đáp ứng được những yêu cầu khách quan trong việc bảo vệ các quyền con người của phụ nữ. Công ước đã đề cập một cách khá toàn diện các điều kiện đảm bảo thực hiện quyền nam nữ bình đẳng và chỉ ra rằng sự phân biệt đối xử chính là nguyên nhân dẫn đến các quyền con người của phụ nữ không được đảm bảo. Từ đó, Công ước có hướng tiếp cận hoàn toàn mới để bảo đảm quyền bình đẳng cho phụ nữ bằng cách chỉ rõ những lĩnh vực cụ thể có sự phân biệt đối xử với phụ nữ như lĩnh vực hôn nhân và gia đình, dân sự... Đặc biệt trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình, do tác động của tôn giáo, phong tục tập quán, sự phân biệt đối xử với phụ nữ diễn ra khá đậm nét và mang những sắc thái riêng. Với tinh thần đó, để bảo vệ người phụ nữ trong gia đình, Điều 16 CEDAW quy định: "Các nước tham gia Công ước phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để xoá bỏ sự phân biệt đối xử với phụ nữ trong mọi vấn đề liên quan đến hôn nhân, gia đình và đặc biệt phải bảo đảm trên cơ sở bình đẳng nam nữ...". Là quốc gia thành viên của Công ước, Việt Nam sớm thực

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

hiện việc "nội luật hóa" để đảm bảo sự bình đẳng giữa nam và nữ trong đời sống hôn nhân gia đình. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin đề cập nội dung nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ của Luật hôn nhân và gia đình nhìn từ góc độ bình đẳng giới.

2. Hôn nhân tự nguyện tiến bộ, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác bao hàm cả hai khía cạnh, đảm bảo quyền tự do kết hôn và tự do li hôn. Xuất phát từ chỗ tình yêu được coi là cơ sở của hôn nhân cho nên việc quyết định lựa chọn người bạn đời và đi đến hôn nhân phải là việc của bản thân hai bên nam nữ. Mặt khác, khi tình yêu giữa hai bên nam nữ không còn nữa thì việc đảm bảo cho họ được tự do li hôn lại thực sự cần thiết vì như vậy là giải phóng cho họ. Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác, Luật hôn nhân và gia đình của Nhà nước ta đã ghi nhận nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là một trong những nguyên tắc cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, trên cơ sở này nam nữ được bình đẳng trong việc thực hiện quyền kết hôn cũng như li hôn theo quy định của pháp luật.

* Nam nữ bình đẳng về quyền kết hôn

Theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam, kết hôn được hiểu là việc nam nữ xác lập quan hệ vợ chồng theo quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn. Quyền kết hôn là quyền gắn với nhân thân của mỗi bên nam nữ, quyền này được pháp luật ghi nhận và bảo vệ: "*Việc kết hôn do hai bên nam nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào, không ai được ép buộc, cản trở*".⁽¹⁾ Sự tự nguyện của hai bên nam nữ là điều kiện kết hôn luật định, nếu thiếu sự tự nguyện của một trong hai bên nam nữ thì các bên không đủ điều kiện để kết

hôn, trường hợp đã xác lập quan hệ hôn nhân mà vi phạm sự tự nguyện thì quan hệ hôn nhân ấy sẽ không được thừa nhận. Đảm bảo cho hai bên nam nữ được "tự do kết hôn" là một đảm bảo quan trọng mang tính chất "chìa khóa" để mở ra cho người phụ nữ sự bình đẳng với nam giới trong gia đình. Pháp luật ghi nhận và bảo đảm cho hai bên nam nữ được tự nguyện khi xác lập quan hệ hôn nhân là tiêu chí quan trọng để nam và nữ thực hiện một cách bình đẳng quyền kết hôn của mình.

Đảm bảo cho các bên nam nữ được tự do kết hôn cho nên việc tự nguyện quyết định chuyển hôn nhân của mỗi bên nam nữ là yêu cầu quan trọng được nhà làm luật ghi nhận và bảo vệ. Theo đó, mỗi bên nam nữ đều bình đẳng trong việc bày tỏ ý chí của mình về việc đồng ý hay không đồng ý xác lập quan hệ hôn nhân với người kia. Chính vì vậy, pháp luật quy định khi đăng ký kết hôn phải có mặt của cả hai bên nam nữ, không cho phép đăng ký kết hôn vắng mặt, không cho phép người đang ở trong trạng thái tinh thần bị kích động đăng ký kết hôn. Xuất phát từ vấn đề này, theo chúng tôi cần phải thực hiện nghiêm chỉnh các nghi thức về đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, có như vậy chúng ta mới kịp thời phát hiện những trường hợp nam nữ đặc biệt là người phụ nữ bị cưỡng ép kết hôn và bảo vệ họ.

Đảm bảo cho các bên nam nữ được tự do kết hôn, Luật hôn nhân và gia đình cũng ghi nhận nguyên tắc áp dụng phong tục tập quán về hôn nhân và gia đình. Theo đó, tôn trọng và phát huy những phong tục tập quán thể hiện quyền tự do của hai bên nam nữ khi xác lập quan hệ hôn nhân đồng thời nghiêm cấm tục cướp vợ để cưỡng ép người phụ nữ làm vợ, tục nối dây, ép người khác kết hôn trái

với ý muốn của họ hoặc các hành vi lợi dụng việc xem tướng số hay các hình thức mê tín dị đoan khác để cản trở việc thực hiện quyền tự do kết hôn của các bên nam nữ.⁽²⁾

Đảm bảo quyền tự do kết hôn cho các bên nam nữ nên các hành vi "ép buộc, lừa dối" hoặc "cưỡng ép", cản trở" các bên nam nữ xác lập quan hệ hôn nhân là những hành vi vi phạm luật hôn nhân và gia đình. Vì thế, vi phạm sự tự nguyện khi kết hôn là một trong những căn cứ để áp dụng chế tài xử hủy việc kết hôn trái pháp luật. Bên cạnh đó, tùy theo mức độ vi phạm, chúng ta có thể áp dụng các chế tài của lĩnh vực hành chính hoặc hình sự, những chế tài này không chỉ có tác dụng "trừng trị" mà còn có tác dụng răn đe các hành vi cản trở hôn nhân tự nguyện tiến bộ, ví dụ:

"Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

- a. Cưỡng ép người khác kết hôn;
- b. Cản trở người khác kết hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần, yêu sách của cải hoặc bằng thủ đoạn khác".⁽³⁾

Trong Bộ luật hình sự năm 1999, chế tài này cũng được quy định một cách xứng đáng đối với những người thực hiện hành vi cưỡng ép kết hôn hoặc cản trở kết hôn tự nguyện, tiến bộ: "Người nào cưỡng ép người khác kết hôn trái với sự tự nguyện của họ, cản trở người khác kết hôn... đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 3 năm" (Điều 146).

Để đảm bảo quyền tự do kết hôn của các bên nam nữ, pháp luật hôn nhân và gia đình cũng ghi nhận sự bình đẳng của các bên nam

nữ về quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật: "*Bên bị cưỡng ép, bị lừa dối kết hôn theo quy định của pháp luật về tổ tụng dân sự có quyền yêu cầu tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật*".⁽⁴⁾ Đây là lối thoát an toàn đối với người phụ nữ, nhất là trong các trường hợp bị lừa dối kết hôn. Ví dụ trong những trường hợp lừa dối về chủ thể: Người con gái tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với một nam giới, sau khi cưới về chung sống với nhau thì phát hiện chồng mình là một người khác. Vì thế, bảo đảm sự bình đẳng cho người phụ nữ trong việc thực hiện quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật cũng là một khía cạnh quan trọng của việc đảm bảo sự bình đẳng của người phụ nữ về quyền tự do kết hôn.

Như vậy, không chỉ ghi nhận sự bình đẳng giữa nam và nữ về quyền tự do kết hôn, pháp luật còn bảo đảm cho quyền đó được thực hiện bằng sức mạnh cưỡng chế. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, để bảo vệ một cách có hiệu quả sự bình đẳng giữa nam và nữ trong việc thực hiện quyền tự do kết hôn cần phải tạo ra cho người phụ nữ những "cơ hội" để họ có thể thực hiện được quyền này. Đây cũng là mấu chốt quan trọng để đảm bảo vấn đề bình đẳng giới về quyền tự do kết hôn. Bởi vì, sự tự nguyện lựa chọn người bạn đời về phía người phụ nữ còn chịu sự ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố như: Phong tục tập quán, điều kiện sống, điều kiện tiếp cận với các thông tin về pháp luật và các thông tin khác... Vì lẽ đó, bên cạnh các biện pháp pháp luật còn cần đến rất nhiều các biện pháp xã hội khác mà theo chúng tôi đó chính là những biện pháp nhằm đưa pháp luật đến với thực tế cuộc sống.

* Nam nữ bình đẳng về quyền yêu cầu li hôn

"Li hôn là chấm dứt quan hệ hôn nhân do toà án công nhận hoặc quyết định theo yêu cầu của vợ, chồng hay cả hai vợ chồng".⁽⁵⁾ Pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam hiện hành dựa trên nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ nên ghi nhận quyền tự do li hôn cho cả hai phía vợ chồng. Theo đó, vợ chồng bình đẳng trong việc yêu cầu toà án chấm dứt quan hệ hôn nhân. Đảm bảo quyền yêu cầu li hôn của người vợ là xoá bỏ sự áp bức đối với người phụ nữ: "*Người ta không thể là một người dân chủ và xã hội chủ nghĩa nếu ngay từ bây giờ không đòi quyền hoàn toàn tự do li hôn, vì thiếu quyền tự do ấy là một sự ức hiếp đối với giới bị áp bức, đối với phụ nữ*".⁽⁶⁾

Li hôn là mặt trái của hôn nhân nhưng là mặt không thể thiếu được bởi vì khi quan hệ vợ chồng trở lên mâu thuẫn thì việc kéo dài tình trạng hôn nhân đó chính là sự hành hạ về mặt tinh thần đối với mỗi người, đặc biệt, với người phụ nữ, sự mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân là một gánh nặng vượt quá sức chịu đựng của họ. Vì thế, bảo đảm quyền tự do li hôn của người vợ, thực chất là góp phần giải phóng phụ nữ. Đảm bảo quyền tự do li hôn nhưng không phải đó là sự tự do tùy tiện mà chỉ khi hôn nhân thực sự tan vỡ, không thể cứu vãn nổi thì toà án mới dựa trên căn cứ li hôn luật định để giải quyết cho các bên được li hôn. Luật hôn nhân và gia đình hiện hành, ngoài việc ghi nhận cho phép vợ chồng li hôn khi: "*Tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*"⁽⁷⁾ còn cho phép các bên vợ chồng được li hôn khi "*một trong hai bên bị toà án tuyên bố mất tích*".⁽⁸⁾ Có thể hiểu rằng quy định này góp

phần bảo vệ người phụ nữ một cách triệt để hơn. Thực tế, có nhiều trường hợp người phụ nữ bị chồng bỏ mặc, họ phải nuôi dạy con một mình. Sau một thời gian dài người chồng trở về ruồng rẫy vợ con, lấy quyền làm chồng để chiếm đoạt tài sản... Vì thế, quy định này còn góp phần ngăn ngừa những hành vi vô trách nhiệm của người chồng đối với vợ con.

Để đảm bảo quyền tự do li hôn của vợ, chồng thì những hành vi cưỡng ép vợ chồng li hôn không được chấp nhận, chẳng hạn: "*Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây: Cưỡng ép người khác..., li hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần hoặc bằng các thủ đoạn khác...*"⁽⁹⁾

Đảm bảo quyền tự do li hôn cho mỗi bên vợ chồng song đứng trên quan điểm về đảm bảo bình đẳng giới, nhà làm luật còn xây dựng quy phạm đặc thù nhằm áp dụng để hạn chế quyền xin li hôn của người chồng: "*Trong trường hợp người vợ có thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi thì người chồng không có quyền xin li hôn*".⁽¹⁰⁾ Quy định này giúp cho người phụ nữ được bảo đảm sức khỏe sinh sản để mang thai và làm mẹ an toàn.

Như vậy, quy định về đảm bảo sự bình đẳng của vợ, chồng đối với quyền yêu cầu li hôn theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam hiện hành đã góp phần quan trọng vào việc giải phóng người phụ nữ. Tuy nhiên, theo quan điểm của chúng tôi, để bảo vệ quyền lợi của người phụ nữ cũng nên đặt ra vấn đề xem xét yếu tố lỗi, đặc biệt là lỗi từ phía người chồng khi li hôn để có chế tài nhất định làm giảm những thiệt thòi mà người phụ nữ phải gánh chịu từ việc hôn nhân bị đổ vỡ nằm ngoài ý muốn của họ. Có thể nói, việc ghi nhận và cụ

thể hóa nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ trong Luật hôn nhân và gia đình hiện hành đã góp phần quan trọng vào việc bảo đảm vấn đề bình đẳng giới. Theo đó, Luật hôn nhân và gia đình tạo cơ sở pháp lý để xoá bỏ hôn nhân cưỡng ép, xây dựng hôn nhân tự nguyện. Thành công này là một đảm bảo quan trọng để người phụ nữ giải phóng bản thân họ khỏi những "phân biệt đối xử" đã tồn tại từ lâu trong các gia đình Việt Nam. Quy định này, cũng làm thay đổi quan niệm, cách nghĩ của những người làm cha, làm mẹ đối với chuyện hôn nhân của các con, từ đó đảm bảo trên thực tế quyền tự định đoạt hôn nhân của các bên nam nữ. Tuy nhiên, thực tế thi hành luật hôn nhân và gia đình cho thấy vẫn có những tồn tại đáng kể, ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền tự do kết hôn, li hôn của người phụ nữ.

Tình trạng vi phạm quyền tự do kết hôn chưa loại bỏ được một cách triệt để, vẫn còn tồn tại những trường hợp kết hôn vi phạm sự tự nguyện, nhất là việc cha mẹ ép buộc con kết hôn vì coi trọng chuyện môn đăng hộ đối, các bên lừa dối để kết hôn... Bởi vì, những tư tưởng về hôn nhân cưỡng ép vẫn còn ảnh hưởng, chúng ta chưa thể xoá bỏ một cách triệt để tư tưởng đã đi vào thói quen hàng nghìn năm của một bộ phận không nhỏ người dân Việt Nam. Bên cạnh đó còn nhiều trường hợp bản thân chị em tự chấp nhận thực tế này mà không dám đấu tranh để được hưởng sự bình đẳng mà pháp luật bảo vệ họ. Dù ở góc độ nào thì đằng sau những cuộc hôn nhân như vậy cũng ẩn chứa những bất lợi đối với người phụ nữ. Cũng như vậy, khi bị ngược đãi phần đông chị em đã biết sử dụng quyền xin li hôn như một thứ vũ khí để giải thoát cho chính bản thân họ. Qua thống kê của toà án cho

thấy, những vụ án li hôn mà đứng nguyên đơn là người vợ chiếm tỉ lệ không nhỏ. Tuy nhiên, rất nhiều điều tra xã hội học đã chỉ ra rằng cũng còn không ít chị em cam chịu sống trong cảnh bị hành hạ về tinh thần và thể xác, không dám thực hiện quyền xin li hôn của họ vì nhiều lí do, đáng kể có cả trường hợp không dám li hôn vì sợ bị trả thù, vì sợ người đời đàm tiếu... Thực tế này, theo chúng tôi chính là những lực cản nhất định đối với việc đảm bảo vấn đề bình đẳng giới trong đời sống hôn nhân và gia đình.

Từ sự phân tích nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ nhìn từ góc độ bình đẳng giới và thực tiễn áp dụng pháp luật nhằm bảo đảm quyền tự do kết hôn, li hôn cho các bên nam nữ, chúng tôi nhận thấy rằng, để đảm bảo trên thực tế sự bình đẳng giữa nam và nữ về quyền kết hôn và quyền li hôn cần phải tiến hành đồng bộ các biện pháp như:

+ Tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình theo định hướng nội dung của nguyên tắc hôn nhân tự nguyện tiến bộ; tạo mọi điều kiện để trang bị và nâng cao kiến thức cho người phụ nữ nhất là các kiến thức về pháp luật, cũng như những hiểu biết xã hội khác; nâng cao chất lượng xét xử và đặc biệt phải thực hiện xã hội hoá hoạt động bảo vệ quyền của người phụ nữ;

+ Tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, theo định hướng nội dung nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ như cần có những hướng dẫn cụ thể về các trường hợp vi phạm sự tự nguyện khi kết hôn, hướng dẫn theo tinh thần Nghị quyết số 02/HDTP, hiện nay, theo chúng tôi vẫn còn những điểm chưa hợp lí lại mang tính liệt kê, do đó chưa dự liệu được các dạng vi phạm sự

tự nguyện khác nảy sinh trong quan hệ này. Chẳng hạn, cho rằng có sự vi phạm yếu tố tự nguyện khi một bên lừa dối bên kia sẽ xin việc làm phù hợp hoặc nếu kết hôn sẽ bảo lãnh ra nước ngoài. Rõ ràng, sự lừa dối này không nằm trong bản chất của sự vi phạm nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ. Bởi vì, theo đó đối phương coi chuyện được xuất ngoại hoặc có một việc làm phù hợp là động cơ, mục đích của việc xác lập quan hệ hôn nhân chứ không phải xuất phát từ tình cảm. Bên cạnh đó, để đảm bảo quyền tự do kết hôn cho các bên nam nữ cũng nên xem xét đến yếu tố lỗi của các bên nam nữ để cân nhắc việc thanh toán tài sản chung giữa họ khi áp dụng chế tài huỷ việc kết hôn trái pháp luật, cần bảo vệ phần tài sản nhiều hơn cho phía người bị lừa dối, đặc biệt là người phụ nữ vì trong trường hợp này người phụ nữ do những đặc điểm về giới chi phối nên họ chịu thiệt thòi nhiều hơn bởi cơ hội làm lại chuyện hôn nhân đối với họ rất khó;

+ Tạo mọi điều kiện dễ trang bị và nâng cao kiến thức cho người phụ nữ nhất là kiến thức pháp luật và những kiến thức xã hội khác để người phụ nữ có những kỹ năng nhất định thực hiện quyền tự do kết hôn và quyền tự do li hôn mà pháp luật bảo vệ. Nhìn từ góc độ đảm bảo vấn đề bình đẳng giới thì đây là một nội dung rất quan trọng để chúng ta đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ trên thực tế, bởi vì, vấn đề mấu chốt trong việc thực hiện chính sách về bình đẳng giới ấy là tạo cho người phụ nữ những cơ hội để người phụ nữ được bình đẳng với nam giới. Vì thế phải đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục luật hôn nhân và gia đình, nhất là phải mang được pháp luật đến với chị em ở vùng sâu, vùng xa; kết hợp giữa giáo dục

pháp luật với việc nâng cao kiến thức mọi mặt cho chị em. Điều này không chỉ giúp chị em bảo vệ quyền lợi cho cá nhân họ mà qua đó còn giúp chị em tìm được tiếng nói chung để đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền tự do kết hôn và li hôn của họ;

+ Nâng cao chất lượng xét xử và đặc biệt là phải thực hiện xã hội hoá các hoạt động nhằm bảo đảm vấn đề bình đẳng giới.

Bảo đảm bình đẳng giới là trách nhiệm của gia đình, của Nhà nước và của toàn xã hội. Do đó, bảo vệ quyền tự do kết hôn, li hôn của người phụ nữ nói riêng và các quyền hôn nhân và gia đình khác nói chung cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, các tổ chức xã hội và mọi công dân. Đặc biệt, những cơ quan, tổ chức đoàn thể đại diện cho phụ nữ như: Hội liên hiệp phụ nữ, Ủy ban vì sự tiến bộ của phụ nữ phải phát huy tốt vai trò của mình trong việc lên tiếng bảo vệ quyền lợi cho người phụ nữ.

Đảm bảo sự bình đẳng giới đã và đang trở thành vấn đề thu hút sự quan tâm của toàn xã hội, nhất là trong thời điểm hiện nay chúng ta đang thực hiện việc xây dựng dự thảo Luật bình đẳng giới. Hi vọng rằng những ý kiến trên đây sẽ góp phần thúc đẩy việc bảo vệ tốt hơn các quyền hôn nhân và gia đình đối với người phụ nữ./

(1), (4), (5), (7), (8), (10). Xem: Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000.

(2). Xem: Nghị định số 32 ngày 27/3/2002 quy định về việc áp dụng Luật hôn nhân và gia đình đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

(3), (9). Xem: Nghị định số 87/CP về xử phạt vi phạm trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

(6). Xem: C. Mác "Bản dự luật về li hôn", C. Mác - Ph. Ăngghen toàn tập, tập 1, Nxb. Sự thật, Hà Nội 1978, tr. 220-221.